

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HS-ST  
Ngày 27-6-2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Khoa Nam

Ông Tạ Đình Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Thế H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1996 tại Bình Phước;  
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thế C và bà Phạm Thị T; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1990 tại Bình Phước;  
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T1; Có vợ Phạm Vũ Hoàng A (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/01/2021 bị Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 112/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 18/11/2012; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1972, trú tại: Khu phố 1, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/01/2025, bị cáo H đến nhà bị cáo T thuộc khu phố 1, phường P, thị xã Phước Long rủ T đi mua ma túy về sử dụng thì T đồng ý, H đưa 100.000 đồng cho T và điều khiển xe mô tô Honda Wave Alpha biển kiểm soát 93K1 – 296.29 chở T đến ngã ba đường Hoàng Văn Thái giao đường C10 thuộc khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long gặp một người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch mua 200.000 đồng ma túy, sau đó điều khiển xe mô tô quay về nhà T. Khi đi đến đoạn đường gần nhà nghỉ Ken Nguyễn thuộc khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang thì bị lực lượng Công an thị xã Phước Long yêu cầu dừng xe kiểm tra và phát hiện trên tay trái của T cầm 01 gói nylon dạng khóa miết kích thước (1,5x2)cm bên trong chứa ma túy, bên ngoài quấn băng keo màu vàng, đen, H và T khai nhận đó là ma túy vừa mua. Do đó, Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 02 bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và niêm phong vật chứng, thu giữ 01 xe mô tô Honda Wave Alpha biển kiểm soát 93K1 – 296.29.

Theo kết luận giám định số 71/KL-KTHS ngày 15/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 01 túi nylon miệng khóa miết được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,4103 gam.

Ngày 15/01/2025, Trần Thế H và Nguyễn Thanh T bị khởi tố bị can để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 26/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Trần Thế H và Nguyễn Thanh T về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H và T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, bị cáo T đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo H và T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo H từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù, bị cáo T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong là 0,3130 gam.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho H và T, không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã tách ra xử lý sau.

- Bị cáo H và T tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức rõ về sai lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về làm ăn, chăm lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và kết luận giám định trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/01/2025, bị cáo H và T đã có hành vi cất giữ trái phép 0,4103 gam ma túy loại Methamphetamine trên người nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với vai trò, hành vi đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo. Xét vai trò từng bị cáo thấy rằng, bị cáo H là người khởi xướng, góp tiền và chuẩn bị phương tiện chở bị cáo T đi mua ma túy, T là người giao dịch, cất giấu ma túy nên vai trò của bị cáo H trong vụ án này cao hơn bị cáo T.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và được xem xét khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo. Riêng bị cáo T, trước đây đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng lại nghe lời rủ rờ của người khác tiếp tục vi phạm pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong là 0,3130 gam, do đây là chất cấm.

01 xe mô tô Honda Wave Alpha biển kiểm soát 93K1 – 296.29 do bà Phạm Thị T1 đứng tên chủ sở hữu, bà T1 không biết bị cáo H lấy xe và dùng làm phương tiện đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định.

[7] Đối với đối tượng bán ma túy cho các bị cáo, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Về mức hình phạt đối với bị cáo H, tuy bị cáo H có vai trò cao hơn trong vụ án này nhưng xét về nhân thân thì bị cáo H có nhân thân tốt hơn nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần tuyên mức hình phạt hai bị cáo như nhau là phù hợp với vai trò, nhân thân của các bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Thế H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Thế H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2025.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2025.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 0,3130 gam để trong 01 phong bì niêm phong theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2025.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/6/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế*

*thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Thị Bích Vân**